

Bản án số: 59/2023/DS-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phương Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Khưu Liên Dung, bà Lâm Thị Nguyệt Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Bằng - Thư Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 203/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 40/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: 1.1- Ông Trần Hoàng G, sinh ngày 06/8/1974

Nơi cư trú: Số E, Khóm A, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

1.2- Bà Thái Thị Cẩm L, sinh ngày 09/4/1983

Nơi cư trú: Số F, Khóm C, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Thái Thị Cẩm L uỷ quyền cho ông Trần Hoàng G (theo Hợp đồng uỷ quyền có U, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu chứng thực ngày 24/6/2020).

2. Bị đơn: Ông Trang Văn D (tên gọi khác: K), sinh năm 1970

Trú tại: Số A, ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1- Ông Trang Văn M, sinh năm 1974. ĐKTT tại: Số A, ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Tạm trú: Số A, Khóm A, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3.2- Bà Quách Thị Mỹ L1, sinh năm 1967

3.3- Anh Trang Hoàng K1, sinh năm 1986.

3.4- Chị Trang Hoàng Q, sinh năm 1991.

3.5- Chị Trang Hoàng T, sinh năm 1989.

Cùng nơi cư trú: Số A, ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông G có mặt. Ông D, ông M, bà L1, anh K1, chị Q, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông [Trần Hoàng G](#), là đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà [Thái Thị Cẩm L](#) trình bày: Vào ngày 16/12/2014, ông cùng vợ là bà [Thái Thị Cẩm L](#) có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà [Trần Thị H](#) và được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 601322 vào ngày 09/3/2015 tại thửa đất số 1374, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.302,1 m² tại [ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu](#). Khi gia đình đến canh tác sử dụng thì gia đình ông [Trang Văn D](#) (con bà [H](#)) ngăn cản, không cho thực hiện quyền sử hữu. Vào tháng 10/2019, gia đình phát hiện 10 cây Tràm bông vàng, 01 cây Bạch Đàn, 03 cây Còng bị gia đình ông [D](#) chặt phá để bán; 04 trụ ranh bị ông [D](#) làm mất ranh, đào mương, xẻ liếp. Nay yêu cầu ông [Trang Văn D](#) tháo dỡ toàn bộ tài sản để trả lại diện tích 2.302,1 m² tại thửa số 1374, tờ bản đồ số 8 tại [ấp V, xã V, thành phố B](#) để trả diện tích đất trên và bồi thường thiệt hại do hành vi phá hoại tài sản trên đất với số tiền 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 22/02/2023 ông và bà [Thái Thị Cẩm L](#) rút yêu cầu ông [Trang Văn D](#) bồi thường thiệt hại về cây cối số tiền 60.000.0000 đồng.

Bị đơn ông [Trang Văn D](#) trình bày tại Biên bản ghi lời khai ngày 14/7/2020 trình bày: Nguồn gốc phần đất mà vợ chồng ông [Trần Hoàng G](#) khởi kiện là do cha ông là [Trang Văn C](#) (đã chết vào khoảng năm 2011) và mẹ là bà [Trần Thị H](#) có được. Khoảng vào năm 2013 thì mẹ là bà [Trần Thị H](#) khởi kiện xin chia thừa kế di sản của cha, nhưng Tòa án yêu cầu đưa các tài sản còn lại vào cùng chia thì bà [H](#) tự rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ vụ án theo Quyết định số 12/2014/QĐST-DS ngày 08/5/2014 của TAND thành phố Bạc Liêu.

Phần đất này từ nhỏ ông đã sống cách nay khoảng trên 30 năm, cây cối đều do ông trồng. Không biết bà [H](#) bán đất cho vợ chồng ông [Trần Hoàng G](#), ông không biết và cũng không ký tên đồng ý mà ông [G](#) lại được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông [Trần Hoàng G](#) và bà [Thái Thị Cẩm L](#) yêu cầu tháo dỡ toàn bộ tài sản trên phần đất diện tích 2.302,1 m² tại thửa số 1374, tờ bản đồ số 8 tại [ấp V, xã V, thành phố B](#) và yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây cối số tiền 60.000.0000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông [Trang Văn M](#), bà [Quách Thị Mỹ L1](#), anh [Trang Hoàng K1](#), chị [Trang Hoàng Q](#), chị [Trang Hoàng T](#): Đã được Toà án thông báo đưa người tham gia tố tụng, triệu tập đến Toà án và phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên ý kiến và trình bày, không thay đổi, bổ sung yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm cho rằng:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Về nguồn gốc quyền sử dụng đất là của bà [Trần Thị H](#) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06/5/1991. Đến ngày 16/12/2014, bà [H](#) chuyển nhượng một phần đất cho nguyên đơn, ông [D](#) cũng không có ý kiến gì và cũng không có yêu cầu xin chia thừa kế, nguyên đơn cũng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định tại Điều 101 Luật đất đai. Khi nguyên đơn sử dụng đất thì ông [D](#) ngăn cản, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông [D](#) trả đất là có căn cứ, áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét nguyên đơn rút yêu cầu bồi thường về cây do ông [D](#) chặt phá với số tiền 60.000.000 đồng là tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Thẩm quyền giải quyết:* Ông [Trần Hoàng G](#) và bà [Thái Thị Cẩm L](#) yêu cầu ông [Trang Văn D](#) trả lại diện tích 2.302,1 m² tại thửa số 1374, tờ bản đồ số 8 tại [ấp V, xã V, thành phố B](#). Căn cứ quy định tại khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bà [Thái Thị Cẩm L](#) uỷ quyền cho ông [Trần Hoàng G](#) theo Hợp đồng uỷ quyền có [U, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu](#) chứng thực ngày 24/6/2020 là hợp lệ nên được chấp nhận.

Ông [Trang Văn D](#), ông [Trang Văn M](#), bà [Quách Thị Mỹ L1](#), anh [Trang Hoàng K1](#), chị [Trang Hoàng Q](#), chị [Trang Hoàng T](#) được Toà án triệu tập đến Toà án và triệu tập xét xử nhưng đều vắng mặt, không trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ; Toà án không tiến hành hoà giải, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 207, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xác định nội dung khởi kiện:

Theo Đơn khởi kiện ông [Trần Hoàng G](#) và bà [Thái Thị Cẩm L](#) yêu cầu ông [Trang Văn D](#) tháo dỡ toàn bộ tài sản trên phần đất diện tích 2.302,1 m² tại thửa số 1374, tờ bản đồ số 8 tại [ấp V, xã V, thành phố B](#) và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về cây cối số tiền 60.000.0000 đồng. Đến ngày 22/02/2023 và tại phiên tòa hôm nay ông [Trần Hoàng G](#) xác định ông và bà [Thái Thị Cẩm L](#) rút yêu cầu ông [Trang Văn D](#) bồi thường thiệt hại về cây cối số tiền 60.000.0000 đồng. Xét đây là tự nguyện của đương sự đúng quy định pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 70; Điều 217; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây cối số tiền 60.000.0000 đồng.

[4] Quá trình tố tụng, Toà án đã thành lập Hội đồng xem xét thẩm định và định giá tài sản vào ngày 15/7/2020 và ngày 27/11/2020 nhưng ông [Trang Văn D](#) không cho hội đồng tiến hành làm việc, nên Hội đồng không thể xem xét thẩm định, đo đạc

và định giá. Ngày 22/02/2023, ông [Trần Hoàng G](#) và bà [Thái Thị Cẩm L](#) đã rút yêu cầu ông [Trang Văn D](#) bồi thường thiệt hại về cây cối số tiền 60.000.0000 đồng, chỉ yêu cầu trả lại quyền sử dụng đất diện tích 2.302,1 m² tại thửa số 1374, tờ bản đồ số 8 tại [ấp V, xã V, thành phố B](#) và có đơn không yêu cầu Toà án tiến hành định giá tài sản.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 601322 ngày 09/3/2015 do [UBND thành phố B](#) cấp cho ông [Trần Hoàng G](#) và bà [Thái Thị Cẩm L](#) và Trích lục bản đồ địa chính ngày 05/12/2014 thể hiện diện tích đất tranh chấp tại thửa số 1374, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.302,1 m² tại [ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu](#), có vị trí:

- Hướng Đông giáp thửa đất số 1375, có số đo 54,86m + 25m + 5m + 4m.
- Hướng Tây giáp thửa đất số 418, có số đo 91,70m.
- Hướng Nam giáp thửa đất số 445, có số đo 50,50m.
- Hướng Bắc giáp thửa đất số 325 và thửa đất số 1375, có số đo 24,40m + 26,50m.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông [Trần Hoàng G](#) và bà [Thái Thị Cẩm L](#) yêu cầu ông [Trang Văn D](#) tháo dỡ toàn bộ tài sản trả phần đất diện tích 2.302,1 m² tại thửa số 1374, tờ bản đồ số 8 tại [ấp V, xã V, thành phố B](#).

[5.1] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp, theo nguyên đơn xác định: Vào ngày 16/12/2014, ông cùng vợ là bà [Thái Thị Cẩm L](#) có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà [Trần Thị H](#) và được [UBND thành phố B](#) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 601322 vào ngày 09/3/2015 tại thửa đất số 1374, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.302,1 m² tại [ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu](#).

[5.2] Tại Biên bản ghi lời khai ngày 14/7/2020 của ông [Trang Văn D](#) trình bày: Nguồn gốc phần đất mà vợ chồng ông [Trần Hoàng G](#) khởi kiện là do cha ông là [Trang Văn C](#) (đã chết vào khoảng năm 2011) và mẹ là bà [Trần Thị H](#) tạo lập, ông đã sống trên đất này từ nhỏ, ông không biết bà [H](#) bán đất cho vợ chồng ông [Trần Hoàng G](#), ông cũng không ký tên đồng ý mà ông [G](#) lại được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông [Trần Hoàng G](#) và bà [Thái Thị Cẩm L](#).

[5.3] Quá trình Toà án thụ lý giải quyết thì ông [Trang Văn D](#) chỉ cung cấp Đơn yêu cầu không ký tên, ghi họ tên và ngày tháng năm; Thông báo về phiên hoà giải số 40/TB-TA ngày 24/4/2013 (Bút lục 34) mà không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, quy định về nghĩa vụ chứng minh: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 458022 do [UBND thị xã B](#) (nay là [thành phố B](#)), [tỉnh Bạc Liêu](#) cấp cho bà [Trần Thị H](#) ngày 06/5/1991 diện tích là 4.890 m²; tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 12/2014/QĐST-DS ngày 08/5/2014 của Toà án nhân dân thành phố Bạc Liêu

đối với vụ án dân sự thụ lý số 44/2013/TLST-DS ngày 24/4/2013 về việc tranh chấp chia thừa kế giữa bà [Trần Thị H](#) đối với ông [Trang Văn D](#), vụ án được đình chỉ với lý do bà [Trần Thị H](#) rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Toà án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ từ hồ sơ vụ án trên, gồm: Các văn bản khước từ thừa kế cùng ngày 29/11/2012 của [Trang Kim P](#), [Trang Kim L2](#), [Trang Văn L3](#), [Trang Kim T1](#), [Trang Văn H1](#), [Trang Văn M](#) (có [Văn phòng C1](#) chứng nhận ngày 20/12/2012) đối với phần giá trị tài sản trong khối di sản thừa kế theo pháp luật trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 458022 do [UBND thị xã B](#) (nay là [thành phố B](#)), [tỉnh Bạc Liêu](#) cấp cho bà [Trần Thị H](#) ngày 06/5/1991 tại thửa đất số 419, tờ bản đồ số 02, diện tích là 4.890 m²; Phiếu yêu cầu xác nhận số 304/VPCC ngày 22/12/2014 của [Văn phòng C1](#) có xác nhận của [UBND xã V](#), [thành phố B](#), [tỉnh Bạc Liêu](#) ngày 12/01/2015 thể hiện “... Ủy ban nhân dân xã V không nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp tài sản bà [Trần Thị H](#) khai nhận di sản thừa kế”. Như vậy, các đương sự trên đều xác định quyền sử dụng đất có nguồn gốc là của bà [Trần Thị H](#) và ông [Trang Văn C](#) đã bị bệnh chết vào ngày 29/4/2012; khi ông [C](#) chết, các con là [Trang Kim P](#), [Trang Kim L2](#), [Trang Văn L3](#), [Trang Kim T1](#), [Trang Văn H1](#), [Trang Văn M](#) khước từ thừa kế ngày 29/11/2012 giao phần tài sản trên lại cho bà [H](#) (ngoại trừ ông [Trang Văn D](#) do ông [Trương Văn D1](#) đang quản lý diện tích trên và cũng có căn nhà trên đất), nên giữa bà [H](#) và ông [Trang Văn D](#) phát sinh tranh chấp, được Toà án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý vụ án “Tranh chấp chia thừa kế” ngày 24/4/2013. Đến ngày 08/5/2014, bà [H](#) đã rút yêu cầu thừa kế và yêu cầu khai nhận di sản thừa kế được [Văn phòng C1](#) có Phiếu yêu cầu xác nhận ngày 22/12/2014 gửi [UBND xã V](#), [thành phố B](#).

Ngày 16/12/2014, ông [G](#) cùng vợ là bà [L](#) ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà [Trần Thị H](#) diện tích 2.302,1 m², tức chưa được 50% diện tích đất và cũng không có nhà hiện ông [D](#) đang ở, ông [G](#), bà [L](#) được cơ quan có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật, ông [D](#) cũng không có ý kiến về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất này của ông [G](#), bà [L](#), Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông [Trần Hoàng G](#) và bà [Thái Thị Cẩm L](#) yêu cầu ông [Trang Văn D](#) trả lại quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1374, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.302,1 m² tại [ấp V](#), [xã V](#), [thành phố B](#), [tỉnh Bạc Liêu](#) là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[6] Xét các cây cối trên đất: Tại phiên toà hôm nay ông [G](#) xác định khi ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất này đã có các cây trên đất, sau đó tự ý ông [D](#) chặt phá cây của ông đem bán, ông đã trình báo chính quyền địa phương; tại Biên bản khảo sát khu đất bị lấn chiếm của [UBND xã V](#) ngày 12/11/2019 có bà [Quách Xuân L4](#) giáp ranh đất tranh chấp chứng kiến và cung cấp thông tin (Bút lục 20) “... vào khoảng tháng 5/2019 thì phía gia đình ông [D](#) thực hiện việc đốn gỗ và thuê xe chở đi...”; ngày 27/12/2019, [UBND xã V](#) tiến hành hoà giải tranh chấp đất và các cây ông [D](#) chặt phá, ông [D](#) cho rằng đất là của cha ông [D](#) cho và không đồng ý việc ông [G](#) nhận chuyển nhượng, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không trình bày, yêu cầu gì khác, tự ý bỏ về không ký biên bản,...

Như vậy, có sự việc ông D đã chặt phá các cây trên đất, ông G, bà L đã rút yêu cầu bồi thường các cây do ông D chặt, phá. Tại phiên toà, ông G cũng xác định trên đất chỉ có cây, không có công trình, vật kiến trúc gì khác trên đất, ông D đã tự ý dỡ bỏ các cột mốc của ông cặm làm ranh; còn nhà ông D đang ở không có trên phần đất ông G được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết, Hội đồng xét xử ghi nhận không đặt ra xem xét trong vụ án.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định: Do yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng G, bà Thái Thị Cẩm L được chấp nhận, nên ông Trang Văn D phải chịu số tiền xem xét thẩm định là 600.000 đồng. Ông Trần Hoàng G đã dự nộp nên ông Trang Văn D có trách nhiệm hoàn trả cho ông G, bà L trong giai đoạn thi hành án.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trang Văn D phải nộp theo quy định pháp luật

[9] Ý kiến phát biểu đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu là có cơ sở, được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 70; **Điều 217; khoản 2 Điều 244; Điều 91, 207; khoản 2 Điều 227; Điều 228, 238** Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 203 Luật đất đai.

Căn cứ Điều 26; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng G, bà Thái Thị Cẩm L yêu cầu ông Trang Văn D trả lại diện tích 2.302,1 m² tại thửa số 1374, tờ bản đồ số 8 tại ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng G, bà Thái Thị Cẩm L đối với ông Trang Văn D bồi thường thiệt hại về cây cối số tiền 60.000.0000 đồng.

3. Buộc ông Trang Văn D có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Hoàng G, bà Thái Thị Cẩm L diện tích 2.302,1 m² tại thửa số 1374, tờ bản đồ số 8 tại ấp V, xã V, thành phố B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 601322 ngày 09/3/2015 do UBND thành phố B cấp cho ông Trần Hoàng G và bà Thái Thị Cẩm L, có vị trí:

- Hướng Đông giáp thửa đất số 1375, có số đo 54,86m + 25m + 5m + 4m.
- Hướng Tây giáp thửa đất số 418, có số đo 91,70m.
- Hướng Nam giáp thửa đất số 445, có số đo 50,50m.

- Hướng Bắc giáp thửa đất số 325 và thửa đất số 1375, có số đo 24,40m + 26,50m.

(Kèm bản Trích lục bản đồ địa chính ngày 05/12/2014 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất [thành phố B](#)).

4. Chi phí xem xét thẩm định: Ông [Trang Văn D](#) phải chịu toàn bộ với số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Ông [Trần Hoàng G](#), bà [Thái Thị Cẩm L](#) đã dự nộp, nên ông [Trang Văn D](#) có trách nhiệm hoàn lại cho ông [Trần Hoàng G](#), bà [Thái Thị Cẩm L](#) số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông [Trang Văn D](#) phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông [Trần Hoàng G](#), bà [Thái Thị Cẩm L](#) đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0006861 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành phố Bạc Liêu;
- Chi Cục THA.DS thành phố Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Võ Phương Bình